TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 20/2024/HS-ST Ngày 16-5-2024	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TP. CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Nhật Trường.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Hoàng Bá**

2. Bà **Đoàn Sơn Lâm**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Thạch** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh tham gia phiên tòa:* Ông **Ngô Thanh Hoàng** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn Đ; Giới tính: N; Sinh năm: 1999; Nơi sinh: An Giang; Nơi cư trú: D khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Lê Hồng H, sinh năm: 1979; Con bà: Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm: 1979; A, chị, em ruột: 05 người, lớn nhất sinh năm: 2004, nhỏ nhất sinh năm: 2016; Vơ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị Công an thành phố L, tỉnh An Giang tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2023 cho đến nay. (Bị cáo có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lưu Ngọc S - thuộc trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố C.

Bị hại:

Ông **Lê Văn B**, sinh năm: 1968. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Văn T, sinh

năm 1989 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân và mua túy sử dụng nên bị cáo Đ đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, Đ chuẩn bị một xe mô tô nhãn hiệu Future II (không rõ biển số), một cây đoản để bẻ khóa xe và rủ người bạn tên T1 cùng đi trộm cắp tài sản thì T1 đồng ý. Đến khoảng 16 giờ ngày 14/12/2023, T1 điều khiển xe chở Đ ngồi phía sau đi từ hướng thành phố L đến đường dẫn cầu V rẽ lên lộ cao tốc để tìm tài sản lấy trộm, khi đến đoạn đường thuộc ấp V, xã V thì phát hiện một xe mô tô đang đậu ven đường không có ai trông coi nên T1 dừng xe lại để Đ xuống dùng đoản bẻ khóa xe và nhanh chóng điều khiển tẩu thoát. Sau khi lấy được xe mô tô Đ đem bán lại cho ông T với giá 5.000.000 đồng, nhận tiền xong Đ đi gặp T1 và chia cho T1 số tiền 2.400.000 đồng. Ngoài ra Đ còn thừa nhận trước đó vào ngày 03/12/2023 đã cùng T1 thực hiện một vụ trộm cắp tài sản, hiện Công an thành phố L, tỉnh An Giang đang điều tra làm rõ.

Vật chứng gồm: 01 xe mô tô biển số 65L1-19795; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Lê Văn B và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện.

Căn cứ vào Kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐGTS, ngày 03/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện V kết luận: 01 xe mô tô hiệu Future FI, màu sơn đỏ - ghi, biển số: 65L1 – 197.95, số máy: JC54E3137096, số khung: 5385EZ088136, năm sản xuất 2016, tình trạng đã qua sử dụng, trị giá: 8.758.000 đồng.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Tại cáo trạng số 27/CT-VKSVT ngày 12 tháng 4 năm 2024 đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội " *Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã đưa ra những chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị:

Áp dụng; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù giam.

Về hình phạt bổ sung miễn cho bị cáo Đ do có hoàn cảnh khó khăn.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông B đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nen không xem xét giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Văn T đã mua xe mô tô với giá 5.000.000 đồng và xe đã trả lại cho chủ sỡ hữu nhưng ông T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên nên đề nghị ghi nhận.

Về vật chứng áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự Công nhận cơ quan điều tra đã trả lại các vật chứng 01 xe mô tô biển số 65L1-19795; 01 giấy chứng nhận đăn ký xe mang tên Lê Văn B và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện cho bị hại ông B.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố là đúng, không oan. Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Khi được nói lời nói sau cùng, các bị cáo đã biết lỗi về hành vi phạm tội của mình mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Trợ giúp viên pháp lý ông Lưu Ngọc S thống nhất với đại diện Viện kiểm sát về Điều luật áp dụng, và tội danh. Tuy nhiên cần áp dụng thêm đểm i Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đề nghị mức hình phạt của Viện kiểm sát là hơi cao so với tính chất mức độ phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo với mức án 01 năm tù giam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo Đ khai nhận về hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát truy tố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ có hành vi cùng đồng bọn bàn bạc, chuẩn bị sẵn công cụ, phương tiện, lợi dụng sự sơ hở của bị hại Lê Văn B trong quản lý tài sản đã lén lúc lấy trộm một xe mô tô có giá trị 8.758.000 đồng, sau đó đem bán lấy tiền tiêu xài mà Nguyễn Văn Đ thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định

tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự do đó truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là có cơ sở.

Hành vi mà bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Lời khai nhận trên của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3] Hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, là một trong những khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự địa phương chỉ vì chay lười lao động mà muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo lợi dụng sự sơ hở của bị hại mà có hành vi lén lút trộm cắp tài sản một cách liều lĩnh. Do đó cần phải xử lý bị cáo thật nghiêm đúng pháp luật, đúng với tính chất mức độ vai trò của bị cáo để cải tạo giáo dục bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để trở thành người tốt có ích cho xã hội.

[4] Về đồng phạm: Bị cáo Đ khai thường rủ đối tượng tên T1 đi trộm cắp tài sản cùng bàn bạc, chuẩn bị phương tiện đi trộm tài sản nhưng không lên phương án từ trước mà chỉ chạy xe trên đường thấy tài sản là trộm nên đồng phạm mang tính chất giản đơn.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015;

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có;

[7] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đ do có hoàn cảnh khó khăn.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông B không đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm

Đối với ông Nguyễn Văn T đã mua xe mô tô với giá 5.000.000 đồng nhưng khi mua không biết tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Văn T đã mua xe mô tô với giá 5.000.000 đồng và xe đã trả lại cho chủ sỡ hữu nhưng ông T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên nên đề nghị ghi nhận là phù hợp.

Đối với 01 cây đoản dùng để bẻ khóa Đ khai đã vứt bỏ sau khi trộm được tài sản và 01 xe mô tô nhãn hiệu Future II (không rõ biển số) là tang vật liên quan đến hành vi phạm tội nhưng do Đ đã bán cho người khác (không rõ họ tên, địa chỉ) giá 2.800.000 đồng nên không thu giữ được.

Đối với người tên T1 cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với Đ nhưng hiện chưa xác định được họ tên thật và địa chỉ nên không tiếp xúc làm việc được. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi đủ căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

[9] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Xét lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Đ là chưa có cơ sở do tại phien tòa và quá trình điều tra bị cáo Đ thừa nhận là những lần trước đó có trộm với người tên T1 nên không được chấp nhận.

[10] Bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Bị cáo, bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ Điều 17; Điều 38; Điều 47; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ** 01 (**Một**) năm 06 (**S1**) tháng tù. Thời hạn phạt tù kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ghi nhận Cơ quan điều tra Công an huyện V đã trả lại các vật chứng chứng 01 xe mô tô biển số 65L1-19795; 01 giấy chứng nhận đăn ký xe mang tên Lê Văn B và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện cho bị hại ông B.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Cơ quan CSĐT CAH Vĩnh Thạnh;
- Nhà tạm giữ CAH Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- Đương sự; Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Nhật Trường